

Bản án số: 18/2020/DSPT

Ngày: 11/12/2020

V/v “Tranh chấp

hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Ông Võ Công Phương

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:*** Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10, 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2020/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Vợ chồng anh Huỳnh Văn S, chị Ngô Thị H; cư trú tại: số nhà 49 đường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Phan Thị Thùy Tr; cư trú tại: số nhà 37 đường Ngô Trọng T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền ngày 24/7/2019) (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Vợ chồng anh Nguyễn Công H1, chị Mai Thị Thu H2; cư trú tại: số nhà 328 đường A, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của chị Mai Thị Thu H2: Chị Nguyễn Thị M; Cư trú tại: số nhà 15 đường Bà L, phường T, quận 1, TP. Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 11/12/2019).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Phan Thị H3; cư trú tại: số nhà 49 đường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt – có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Chị Ngô Thị H – nguyên đơn; chị Mai Thị Thu H2 – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Ngô Thị H, anh Huỳnh Văn S do chị Phan Thị Thùy Tr đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 26/9/2016, chị Ngô Thị H và chị Mai Thị Thu H2 đã viết Giấy mượn tiền “chốt công nợ từ năm 2013 đến nay”, theo đó chị H2 còn nợ chị H 1.350.000.000 đồng bao gồm cả số tiền 250.000.000 đồng mà anh Nguyễn Công H1 và chị H2 vay của anh Huỳnh Văn S (chồng chị H) theo Hợp đồng vay tài sản đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Q ngày 22/8/2014. Hai bên thỏa thuận miêng lãi suất 3%/tháng. Từ ngày chốt nợ đến nay, chị H2 đã trả cho chị H 470.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi chưa trả. Chị H đã nhiều lần đòi chị H2 trả nợ nhưng chị H2 không trả. Nay vợ chồng chị H, anh Huỳnh Văn S yêu cầu chị H2 phải trả cho vợ chồng anh chị 880.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi của số tiền còn nợ theo mức lãi suất 10%/ năm tính từ ngày 26/9/2016 đến khi trả hết nợ.

Bị đơn chị Mai Thị Thu H2 do chị Nguyễn Thị M đại diện theo ủy quyền trình bày:

Chị H2 công nhận thời gian chốt nợ như chị Ngô Thị H đã trình bày. Theo giấy chốt nợ, chị H2 còn nợ chị H 1.350.000.000 đồng nhưng sau đó chị H2 đã trả hết nợ cho chị H. Chị H2 không biết chị H tính lãi bao nhiêu vì trong giấy chốt nợ không xác định lãi.

Tại tòa sơ thẩm, chị M trình bày ngày chốt nợ là 30/6/2016 vì đó là ngày chị H2 từ thành phố Hồ Chí Minh về vay 400.000.000 đồng của chị H để nộp thuế và làm sổ nhà 328 A, thành phố Q đồng thời ngày đó Công ty TNHH H4 của chị H2 vay tiền của HD Bank. Chị H2 đã trả cho chị H nhiều lần với tổng số tiền là 1.797.828.000 đồng. Nếu tòa tính tiền lãi của số tiền chốt nợ thì sau khi khấu trừ tiền lãi, chị H phải trả cho chị H2 số tiền còn lại.

Chị H2 và anh Nguyễn Công H1 (chồng chị H2) có đơn phản tố yêu cầu vợ chồng chị H phải trả cho vợ chồng chị H2 400.000.000 đồng chị H đã vay của chị H2 vào ngày 09/9/2016 và ngày 20/10/2016 và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 20/10/2016 cho đến khi trả hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H3 trình bày:

Bà là mẹ ruột anh Huỳnh Văn S, chị Ngô Thị H là con dâu bà. Trước đây vợ chồng chị Mai Thị Thu H2, anh Nguyễn Công H1 hay đến nhà chơi với chị H nên bà cũng quen biết. Vì thời gian đã lâu, bà không nhớ mình có viết và ký chữ “đã nhận, H3, Phan Thị H3” dưới dòng chữ “ngày 19/9/16 H1 đưa cho cô nhận cho H 400 triệu” nhưng từ trước đến nay bà chưa bao giờ nhận tiền từ vợ chồng chị H2, anh H1 giúp cho chị H.

Bản án số 112/2020/DS-ST ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị H, anh Huỳnh Văn S.
2. Buộc chị Mai Thị Thu H2 và anh Nguyễn Công H1 phải trả cho chị Ngô Thị H, anh Huỳnh Văn S 880.000.000 đồng tiền gốc và 342.952.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 1.222.952.000 đồng.
3. Bác đơn phản tố của chị Mai Thị Thu H2 và anh Nguyễn Công H1 yêu cầu chị Ngô Thị H, anh Huỳnh Văn S trả 400.000.000 đồng.
4. Duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2018 ngày 11/9/2018 “phong tỏa tài sản nơi gửi giữ” của anh Nguyễn Công H1, chị Mai Thị Thu H2 là nhà và đất tọa lạc tại 588 B, thành phố Q theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số phát hành: 3701 3366, số vào sổ cấp giấy: 8907 được UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 26/6/2003.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 18/8/2020, chị Mai Thị Thu H2 kháng cáo yêu cầu tòa bác đơn khởi kiện của chị Ngô Thị H, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của chị và hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06 ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q.

Ngày 31/8/2020, chị Ngô Thị H kháng cáo yêu cầu xem xét lãi suất, yêu cầu tính lãi từ ngày chốt nợ 1.350.000.000 đồng đến tháng 6/2017 vợ chồng chị H2 mới bắt đầu trả dần cho chị đến tháng 2/2018 tổng cộng là 470.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị H đã rút, chấp nhận một phần kháng cáo của chị Mai Thị Thu H2, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 08/10/2020, nguyên đơn chị Ngô Thị H có đơn xin rút kháng cáo nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bị đơn chị Mai Thị Thu H2 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Xét kháng cáo của chị H2, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Mai Thị Thu H2 thừa nhận nội dung giấy mượn tiền “chốt công nợ từ năm 2013 đến nay” giữa chị với chị Ngô Thị H, chị H2 thống nhất tại thời điểm hai bên chốt nợ, chị còn nợ của chị H 1.350.000.000 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) trong đó bao gồm cả 250.000.000 đồng mà chị H2 và anh Nguyễn Công

H1 (chồng chị H2) vay của anh Huỳnh Văn S (chồng chị H) theo Hợp đồng vay tài sản đã được công chứng tại văn phòng công chứng Q số 2575, quyển số 01 ngày 22/8/2014. Theo chị H, ngày chốt nợ là ngày 26/9/2016 thể hiện tại tin nhắn giữa chị và chị H2 trên zalo nhưng chị H2 không thừa nhận nick zalo này là của chị. Theo chị H2, thời điểm chốt nợ là tháng 6/2016 nhưng không nhớ cụ thể là ngày nào.

Ngày 18/8/2020 chị H2 kháng cáo cho rằng đã trả hết số tiền nợ cho vợ chồng chị H. Tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2018 do Công an thành phố Q cung cấp thì chị H2 khai nhận: “Sau tháng 2/2018 mâu thuẫn của tôi và bà H lớn hơn nên tôi không trả nữa, đợi khi thống nhất khoản nợ thì tôi sẽ trả nợ”. Như vậy, sau tháng 2/2028 chị H2 không trả nợ cho chị H khoản tiền nào nữa và chị H2 xác nhận vẫn còn nợ vợ chồng chị H đến khi nào hai bên thống nhất số nợ thì tiếp tục trả. Lời khai của chị H2 hoàn toàn mâu thuẫn với việc chị khai là đã trả hết nợ cho vợ chồng chị H. Bên cạnh đó, những người làm chứng như chị Huỳnh Thị Ph, chị Trương Thị Thanh Th, ông Lê Ngọc T biết việc vợ chồng chị H cho vợ chồng chị H2 vay tiền, đã tiến hành hòa giải mâu thuẫn giữa hai bên nhưng vợ chồng chị H2 chỉ đồng ý trả cho vợ chồng chị H 500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị M là đại diện theo ủy quyền của chị H xác nhận ngày chốt nợ là ngày 30/6/2016. Như vậy, lời khai của chị H2 và người đại diện của chị là không thống nhất với nhau do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận lời khai của chị H xác định thời điểm chị H và chị H2 lập giấy mượn tiền “chốt công nợ từ năm 2013 đến nay” là ngày 26/9/2016 là có lợi cho chị H2.

[2.2] Theo chị H, kể từ ngày hai bên chốt nợ, chị H2 mới trả cho chị tổng số tiền 470.000.000 đồng qua tài khoản của chị và của anh Huỳnh Văn S (chồng chị) tại Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Ngoại thương, Chi nhánh Bình Định, cụ thể các lần trả như sau:

Ngày 19/6/2017: trả 50.000.000 đồng;

Ngày 27/6/2017: trả 50.000.000 đồng;

Ngày 06/9/2017: trả 50.000.000 đồng;

Ngày 26/9/2017: trả 50.000.000 đồng;

Ngày 10/10/2017: trả 30.000.000 đồng;

Ngày 08/11/2017: trả 20.000.000 đồng;

Ngày 20/11/2017: trả 100.000.000 đồng;

Ngày 03/01/2018: trả 50.000.000 đồng;

Ngày 15/01/2018: trả 50.000.000 đồng;

Ngày 13/01/2018: trả 10.000.000 đồng;

Ngày 13/02/2018: trả 10.000.000 đồng.

Do đó chị H2 còn nợ của vợ chồng chị 880.000.000 đồng tiền gốc nên vợ chồng chị yêu cầu vợ chồng chị H2 phải trả 880.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền còn nợ theo quy định của pháp luật.

Chị H2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng chị H vì chị đã trả cho vợ chồng chị H tổng cộng 1.700.000 đồng trong đó giấy chốt huê 847.828.000 đồng (470.000.000 đồng trả qua tài khoản còn lại 377.828.000 đồng là tiền chị H nhận tiền huê từ tháng 10 đến tháng 12), bảng kê H nhận tiền do chị H2 kê và chị H ký xác nhận trong đó năm 2016 trả 74.000.000 đồng, năm 2017 trả 175.000.000 đồng, phiếu bán hàng 3.172.000 đồng, chuyển qua HD Bank 150.000.000 đồng và ngày 19.9.2016 anh H1 đưa cho bà H3 (mẹ chồng chị H) nhận 400.000.000 đồng.

Chị H2 cho rằng sau khi hai bên chốt nợ, chị đã trả hết nợ gốc cho chị H, chị H2 không biết chị H tính lãi bao nhiêu vì trong giấy chốt nợ không xác định tiền lãi. Tại Tường trình kháng cáo đề ngày 19/10/2020, chị H2 cho rằng chị đã trả cho chị H 1.851.000.000 đồng dư 501.000.000 đồng. Đơn xin bổ sung kháng cáo và nộp thêm chứng cứ của vụ án ngày 23/11/2020 chị H2 cho rằng chị đã trả cho chị H 2.100.000.000 đồng dư 750.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H2 và người đại diện hợp pháp của chị H2 khai vợ chồng chị đã trả cho vợ chồng chị H tổng cộng 1.700.000.000 đồng. Lời khai của chị H2 không được chị H thừa nhận, chị H2 không xuất trình được chứng cứ mới chứng minh lời khai của mình.

Theo chị H2, ngày 12/9/2016 Công ty TNHH H4 do chị làm giám đốc có làm hợp đồng để vay tiền Ngân hàng HDBank - Chi nhánh Bình Định. Để được ngân hàng giải ngân, chị đã tự soạn thảo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 07/2016/HĐMB ngày 10/01/2016 và Biên bản xác nhận công nợ giữa Công ty H4 với chị H, chị là người viết và ký tên Ngô Thị H trong Hợp đồng. Ngày 14/9/2016, HDBank đã chuyển 150.000.000 đồng vào tài khoản của chị H. Chị H2 xác định chị đã dùng tiền của Công ty mà chị là Giám đốc để trả vào khoản nợ cá nhân giữa chị với chị H theo giấy chốt nợ nói trên. HĐXX xét thấy: Việc HDBank chuyển 150.000.000 đồng vào tài khoản của chị H là dựa trên Hợp đồng mua bán hàng hóa nên đây là một giao dịch giữa công ty H4 với chị H, việc chị H2 tự lấy tiền của công ty để trả nợ cá nhân là không đúng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giành quyền khởi kiện cho chị H2 bằng một vụ án khác là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị Nguyễn Thị M là người đại diện theo ủy quyền của chị H2 và chị H2 còn trình bày ngày 19/9/2016, chồng chị H2 là anh Nguyễn Công H1 đưa cho bà Phan Thị H3 (mẹ ruột anh Huỳnh Văn S) 400.000.000 đồng để trả nợ cho chị H. Bà H3 đã ghi: “Đã nhận, H3, Phan Thị H3”. Tại Kết luận giám định số 295/PC09 ngày 31/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định và kết luận giám định số 247/C09C (Đ6) ngày 07/4/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại Đà Nẵng đã kết luận chữ viết, chữ ký “Đã nhận, H3, Phan Thị H3” trên giấy nhận tiền do chị H2 cung cấp với chữ viết chữ ký của bà H3 do bà H3 cung cấp và trên các Biên bản lấy lời khai ngày 14/11/2019, 25/02/2020 của Tòa án cũng như

Đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt của bà H3 nộp tại Tòa là do không phải cùng một người viết ra nên không có căn cứ để xác định rằng chị H2 đã trả 400.000.000 đồng cho chị H thông qua bà H3.

Chị H2 còn cho rằng thời gian chị trả nợ cho chị H từ năm 2016 đến tháng 3/2018 là kết thúc tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2018 của Công an thành phố Q chị H2 khai nhận: "...sau tháng 02/2018, mâu thuẫn của tôi và chị H lớn hơn nên tôi không trả nữa, đợi khi thống nhất khoản nợ thì tôi sẽ trả nợ". Điều này cho thấy chị H2 còn nợ tiền chị H từ tháng 02/2018 đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị H2 còn nợ chị H 880.000.000 đồng (nợ gốc) là có căn cứ.

[2.3] Về lãi suất, chị H2 và chị H đều công nhận việc vay nợ có thỏa thuận lãi nhưng hai bên không thống nhất với nhau về mức lãi do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định mức lãi suất của hợp đồng vay giữa chị H với chị H2 là 10%/năm tính từ ngày hai bên chốt nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định buộc vợ chồng chị H2 có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị H 1.222.952.000 đồng (trong đó: 880.000.000 đồng nợ gốc và 342.952.000 đồng tiền lãi) là có căn cứ.

[2.4] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng chị H2 yêu cầu chị H anh S trả 400.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này. Bị đơn cung cấp giấy nhận tiền đề ngày 09/9/2016 có nội dung "H2 đưa H 300.000.000 đồng" và giấy đề ngày 20/10/2016 nội dung "H2 nhờ anh H1 đưa cho H mượn 100.000.000 đồng", chị H công nhận chị ký xác nhận vào hai giấy nêu trên nhưng khoản tiền 400.000.000 đồng này là chị cho chị H2 vay sau khi hai bên đã chốt nợ 1.350.000.000 đồng do chị H2 cần tiền để làm sổ đỏ ngôi nhà 328 Á, thành phố Q nên chị đã giao tiền cho chị H2 02 lần: lần thứ nhất giao 200.000.000 đồng vào ngày 27/6/2016; lần thứ hai giao 200.000.000 đồng vào ngày 29/6/2016 đến ngày 30/6/2016 chị H2 đi công tác về mới viết giấy mượn tiền. Ngày 09/9/2016 chị H2 trả cho chị 300.000.000 đồng sau đó vài ngày anh H1 chồng chị H2 trả cho chị 100.000.000 đồng. Chị H xác nhận khoản vay thêm 400.000.000 đồng chị Hằng đã trả xong nên chị trả lại giấy gốc cho chị Hằng, chị Hằng đã điền thêm nội dung: "ngày 20/10/2016" và từ "mượn" nhưng tại Kết luận số 132 ngày 18/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định đã khước từ giám định. Ngày 04/11/2019, chị H2 cung cấp giấy nhận 400.000.000 đồng mà chị H2 cho rằng bà Phan Thị H3 nhận tiền giúp chị H nhưng mặt sau của giấy nhận tiền này có văn bản là Giấy mượn tiền với nội dung: "Tôi tên Mai Thị Thu H2... có mượn của bà Ngô Thị H... với số tiền 400.000.000 đồng mục đích làm sổ đỏ, Q ngày 30/6/2016" nội dung này phù hợp với lời khai của chị H. Chị H2 cho rằng nội dung trên là chị ghi nháp sau đó gạch bỏ là không chấp nhận được. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H2 thừa nhận chị có vay chị H 400.000.000 đồng vào ngày 30/6/2016 để làm sổ đỏ nên chị đã viết giấy mượn tiền nói trên sau đó giữa chị và chị H đã chốt nợ vào khoản nợ 1.350.000.000 đồng nên chị gạch xóa giấy nợ này; lời khai của chị Nguyễn Thị M là người đại diện hợp pháp của chị H2 cho rằng sau khi hai bên

chốt nợ, tất cả các khoản tiền chị H2 đưa cho chị H là tiền chị H2 khấu trừ vào khoản tiền chị H2 đã chốt nợ.

Khi hai bên xảy ra mâu thuẫn về việc vay nợ tiền, Công an TP.Q lấy lời khai nhưng chị H2 chỉ khai nợ vợ chồng chị H mà không đề cập đến việc vợ chồng chị H còn nợ vợ chồng chị H2 400.000.000 đồng. Như vậy, tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của vợ chồng chị H2 là có căn cứ.

[2.5] Trong quá trình giải quyết vụ án, theo đơn yêu cầu của chị Ngô Thị H, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2018/QĐ-BPKCTT ngày 11/9/2018 bằng việc “phong tỏa tài sản nơi giữ giữ” của anh Nguyễn Công H1, chị Mai Thị Thu H2 là nhà và đất tọa lạc tại 588 B, thành phố Q theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số phát hành: 3701 3366, số vào sổ cấp giấy: 8907 được UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 26/6/2003 tuy nhiên tài sản bị phong tỏa đã được vợ chồng chị H2 thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Q (Ngân hàng) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2017/914429/HĐBĐ ngày 18/4/2017 để vay vốn ngân hàng (trước khi tòa án thụ lý vụ án dân sự giữa nguyên đơn vợ chồng chị Ngô Thị H với bị đơn vợ chồng chị Mai Thị Thu H2) nhưng Tòa án không đưa Ngân hàng tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng lẽ ra phải hủy bản án sơ thẩm tuy nhiên ngày 29/11/2020, chị Ngô Thị H đã có Đơn yêu cầu về việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời. Do đó, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H2 hủy bỏ Quyết định áp dụng BPKCTT số 06/2018/QĐ-BPKCTT ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

[3.1] Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Mai Thị Thu H2 không phải chịu.

[3.2] Theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Ngô Thị H phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Thị H đã rút, chấp nhận một phần kháng cáo của chị Mai Thị Thu H2; sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; khoản 2, khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của nguyên đơn chị Ngô Thị H, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Mai Thị Thu H2; Sửa bản án sơ thẩm.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của nguyên đơn chị Ngô Thị Hương.

2. Buộc chị Mai Thị Thu H2 và anh Nguyễn Công H1 phải trả cho chị Ngô Thị H, anh Huỳnh Văn S 880.000.000 đồng tiền gốc và 342.952.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 1.222.952.000 đồng.

3. Bác đơn phản tố của chị Mai Thị Thu H2 và anh Nguyễn Công H1 yêu cầu chị Ngô Thị H, anh Huỳnh Văn S trả 400.000.000 đồng.

4. Về chi phí giám định: 19.040.000 đồng, chị H2 anh H1 phải chịu nhưng được trừ 5.000.000 đồng chị H2 đã nộp tạm ứng theo các Biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí giám định ngày 27/02/2020 và ngày 04/5/2020. Số tiền còn lại do chị H nộp tạm ứng theo các Biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí giám định ngày 14/11/2019 và ngày 09/01/2020 của TAND thành phố Q nên chị H2, anh H1 phải hoàn trả lại cho chị H 14.040.000 đồng.

5. Về án phí DSST:

5.1 Chị Mai Thị Thu H2, anh Nguyễn Công H1 phải chịu 68.688.000 đồng nhưng được trừ 10.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000519 ngày 26/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, chị H2 anh H1 còn phải chịu 58.688.000 đồng.

5.2 Hoàn trả cho chị Ngô Thị H anh Huỳnh Văn S 19.200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000300 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

6.1 Chị Ngô Thị H phải chịu 150.000 đồng. Chị H được nhận lại 150.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0008495 ngày 22/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

6.2 Chị Mai Thị Thu H2 không phải chịu. Chị H2 được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0008390 ngày 24/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

8. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

8.1 Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

8.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Tuấn Anh